

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: **20** /2021/DS-ST

Ngày: 02-6-2021

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Đức Minh**

Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ka Hít** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 9, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn 4, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **K’ B**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 4, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 9, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Trong năm 2016 bà Nguyễn Thị Y mua nhiều lần phân bón của bà T, tổng số tiền bà Y nhận phân bón và bán cho các hộ dân là 90.670.000 đồng. Tính đến ngày 06/8/2016 bà Y đã viết giấy nhận nợ với bà T số tiền trên. Đến ngày 20/01/2017 bà Y đã trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng, sau khi trả tiền bà Y viết giấy trả tiền vào trong cuốn vở ghi nhận phân bón của bà T. Sau đó đến khoảng đầu năm 2018, con trai bà T tên Nguyễn Văn Tr ở cùng nhà với bà T chở phân bón giao cho bà Y thì bà T có hỏi tiền nợ phân năm 2016 thì bà Y đã trả cho bà T 20.000.000 đồng và giao cho con trai bà T mang về cho bà T. Bà T đã nhận số tiền 20.000.000 đồng từ con trai. Do lúc đó bà T không ghi sổ ngày, sau này nhớ lại thì bà T ghi luôn vô phần trang nợ năm 2016 để xác nhận bà Y đã trả được số tiền 90.000.000 đồng, còn nợ lại 670.000 đồng nhưng bà T đồng ý xóa nợ không lấy nữa. Do vậy cuối trang ghi nợ tiền phân ngày 06/8/2016 và ngày 20/01/2017 bà Y đã ghi xác nhận hết nợ phân của các hộ dân năm 2016.

Tuy nhiên bà Y còn mua thêm phân bón để đầu tư vào vườn của bà Y và có vay tiền của bà T nên tính đến cuối năm 2016 bà Y nợ bà T 66.000.000 đồng, bà Y và bà T đã thanh toán với nhau nên chỉ còn nợ lại 37.600.000 đồng.

Tiếp đến năm 2017 thì bà Y tiếp tục mua phân bón của bà T, tính đến cuối năm 2017 hai bên chốt nợ lại thì bà Y nợ bà T tổng cộng là 174.000.000 đồng. Đến ngày 10/01/2018 hai bên tính toán nợ với nhau thì bà Y đã xác nhận nợ cũ và nợ mới tại trang số 6 trên có ghi tiêu đề ngày 20/4/2017 do bà Y tự ghi “tổng phân năm 2017 là 174.000.000 đồng cộng với nợ cũ năm 2016 là 37.600.000 đồng, tổng cộng là 211.600.000 đồng”. Trong ngày 10/01/2018 bà Y trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, khi trả bà Y cũng tự tay ghi và ký tên xác nhận cho bà T. Do bà Y không có tiền trả cho bà T nên bà Y cân cả phê cán trừ nợ cho bà T theo giá ngày 12/02/2018 cho đại lý Hạnh Chi tại thôn 5, LT, B, Lâm Đồng với số kí đại lý Hạnh Chi tính là 2.171,4 kg nhưng bà T đồng ý làm tròn cho bà Y là 2.200 kg với giá cà phê là 36.700 đồng/ 1 kg thành tiền là 80.740.000 đồng, nên công nợ năm 2017 bà Y còn nợ lại bà T là 80.860.000 đồng.

Tiếp đến năm 2018 bà Y tiếp tục mua phân bón của bà T, tổng nợ phân bón là 140.710.000 đồng. Trong đầu năm 2019 thì bà Y trả nợ phân năm 2018 là ngày 20/01/2019 trả 45.000.000 đồng, sau đó bà Y trả thêm cho bà T số tiền 50.000.000 đồng tại tiệm vàng Kim Huân ở thôn 6, xã LT, B, Lâm Đồng, việc trả nợ này không có ai chứng kiến nhưng bà T nhớ bà T có ghi giấy nhận tiền cho bà Y, còn bà T ghi vào sổ. Nên công nợ năm 2018 còn lại 45.000.000 đồng. Tại trang vở số 16 thì hai bên chốt lại nợ: nợ năm 2018 là 45.000.000 đồng, cộng nợ cũ năm 2017 là 80.860.000 đồng, tổng cộng là 125.860.000 đồng, hai bên tính lãi suất 02 năm là 29.100.00 đồng (lãi suất bao nhiêu % bà T không nhớ rõ) nên tổng nợ chốt lại là 154.960.000 đồng.

Sau đó do bà Y không thanh toán nợ nần dứt điểm nên năm 2019 bà T không đồng ý cho bà Y lấy phân bón nhiều nữa chỉ cho mua 2 đợt với tổng số tiền là 29.600.000 đồng, bà Y ký tên xác nhận. Tổng cộng bà Y nợ bà T là 184.560.000 đồng.

Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà Y trả nợ nhưng bà Y không trả. Nay bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Y trả cho bà T số tiền nợ gốc mua phân bón qua các năm:

Năm 2017 nợ là 80.860.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0.83%/ tháng tính từ ngày 01/01/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Năm 2018 là 45.000.000 tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh là 0.83%/ tháng tính từ ngày 01/01/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Năm 2019 số tiền nợ gốc là 29.600.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0.83%/ tháng tính từ ngày 01/01/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tổng cộng số tiền nợ gốc bà T yêu cầu là 155.460.000 đồng và lãi suất tính từng thời điểm cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bà T rút lại yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi tính 02 năm là 29.100.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà Y và bà Nguyễn Thị T có quen biết nhau từ năm 2014, bà T là đại lý phân bón Thu Đức. Để bán được phân đến người tiêu dùng, bà T thỏa thuận với bà Y, nếu bà Y giới thiệu bà con ai có nhu cầu mua phân bón, bà sẽ tính hoa hồng cho bà Y. Bà T thỏa thuận nếu bà Y bán được 100 kg (1 tạ) phân vô cơ thì được hưởng hoa hồng là 40.000 đồng và 100 kg (1 tạ) phân hữu cơ thì được hưởng hoa hồng là 20.000 đồng. Trong 3 năm 2014 đến năm 2016, bà Y giới thiệu cho một số người mua và có nhận tiền hoa hồng từ bà T. Số tiền khoảng hơn 10.000.000 đồng. Nhưng trong 3 năm 2017, 2018, 2019 bà T bán rất nhiều qua bà Y mô giới nhưng bà T không trả tiền hoa hồng.

Để đảm bảo chắc tiền nợ phân bón của bà con mua, bà T nói bà Y đứng ra bảo lãnh và ký tên vào tiền nợ và tiền thanh toán của từng người mua. Bà Y đứng ra bảo lãnh và thanh toán đầy đủ cho bà T, không còn nợ nữa.

Do vậy bà Y không đồng ý trả số tiền bà T khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K' B trình bày: vợ chồng anh K' B nhiều lần mua bán phân bón của bà Nguyễn Thị Y. Vì vợ của anh K' B có quen biết bà Y do bà Y là trước đây là trưởng thôn 4 và cũng là trưởng hội phụ nữ thôn 4, xã LN.

Anh K' B chỉ biết mua phân bón từ bà Y, còn bà Y lấy phân bón ở đâu thì anh K' B hoàn toàn không biết. Khi nào cần mua phân bón cho vườn thì vợ anh K' B sẽ liên lạc với bà Y và bà Y cho người chở vô. Đến cuối năm thu mùa cà phê xong thì anh K' B thanh toán hết với bà Y.

Lần cuối cùng anh K' B mua phân bón từ bà Y là vào đầu năm 2019. Sau khi xem xét giấy có ghi tựa đề “ K' B phân 2019” thì anh K' B đã mua đúng số lượng phân bón như trong tờ giấy đã ghi với số tiền 22.500.000 đồng, anh K' B đã đưa tiền cho vợ đi trả cho bà Y và không còn nợ gì bà Y nữa.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị Y về việc nợ tiền mua bán phân bón anh K' B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Anh Trính là con ruột của bà Nguyễn Thị T. Cụ thể việc mua bán phân bón giữa mẹ của anh với bà Y như thế nào anh cũng không nhớ rõ và nắm được. Nhưng anh Trính là người hay chở phân bón vào giao cho bà Y tại thôn 4, xã LN, huyện B và vào vườn của bà Y gần nghĩa địa cũ.

Việc giao phân bón anh Trính chỉ biết đi giao, còn số lượng cụ thể như thế nào anh Trính không nắm được. Việc thanh toán, mua bán, chốt công nợ giữa mẹ anh và bà Y, anh cũng không nắm rõ. Nhưng khoảng vào đầu năm 2018 mẹ anh có nhờ lấy công nợ từ bà Y số tiền là 20.000.000 đồng. Lúc bà Y giao tiền thì hai bên cũng không ghi giấy tờ gì với nhau, sau khi nhận đủ tiền thì anh Trính đã giao lại số tiền này cho mẹ anh, việc mẹ anh có ghi sổ sách hay không anh cũng không rõ.

Nay mẹ anh khởi kiện bà Nguyễn Thị Y về việc nợ tiền mua bán phân bón anh Trính đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì bà Y vắng mặt. Bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, yêu cầu bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 155.460.000 đồng đồng và tiền lãi theo từng năm là $(80.860.000 \text{ đồng} \times 0.83 \% / \text{tháng} \times 41 \text{ tháng} = 27.516.600 \text{ đồng}) + (45.000.000 \text{ đồng} \times 0.83 \% / \text{tháng} \times 29 \text{ tháng} = 10.831.500 \text{ đồng}) + (29.600.000 \text{ đồng} \times 0.83 \% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 4.176.500 \text{ đồng}) = 42.524.600 \text{ đồng}$ (nguyên đơn đồng ý làm tròn tháng); tổng cộng cả gốc và lãi phải trả là 197.984.600 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Y trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 155.460.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0.83%/tháng kể từ từng thời điểm cho đến ngày xét xử. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với số tiền tính lãi 02 năm là 29.100.000 đồng. Về án phí buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Y đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Y phải trả số tiền nợ gốc mua bán phân bón là 155.460.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0.83%/tháng nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:

02 cuốn vở học sinh ghi công nợ chị Yến LN có thể hiện toàn bộ quá trình mua bán phân bón từ năm 2016 đến năm 2019 cụ thể như sau:

Năm 2016 bà Y có mua của bà T phân bón (các lần mua bán và nhận phân bón có bảng kê và đã tường trình tại bản tự khai của bà T) tổng số tiền nợ cho các hộ dân là 90.670.000 đồng. Đến ngày 06/8/2016 bà Y đã viết giấy nhận nợ với bà T số tiền trên. Đến ngày 20/01/2017 bà Y đã trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng, sau khi trả tiền bà Y viết giấy trả tiền vào trong cuốn vở ghi nhận phân bón của bà T. Sau đó đến khoảng đầu năm 2018, con trai bà T tên Nguyễn Văn Tr chở phân bón giao cho bà Y thì bà T có hỏi tiền nợ phân năm 2016 bà Y đã trả cho bà T 20.000.000 đồng và giao cho con trai bà T mang về cho bà T. Bà T đã nhận số tiền 20.000.000 đồng từ con trai là anh Trính. Do lúc đó bà T không ghi sổ ngay, sau này nhớ lại thì bà T ghi luôn vô phần trang nợ năm 2016 để xác nhận bà Y đã trả được số tiền 90.000.000 đồng, còn nợ lại 670.000 đồng nhưng bà T đồng ý xóa nợ không lấy nữa. Do vậy cuối trang ghi nợ tiền phân ngày 06/8/2016 và ngày 20/01/2017 bà Y đã ghi xác nhận nợ hết nợ phân của các hộ dân năm 2016, đã được bà Y kí tên (tại bút lục 71 đến 73).

Tuy nhiên bà Y còn mua thêm phân bón để đầu tư vào vườn của bà Y và có vay tiền của bà T nên tính đến cuối năm 2016 bà Y nợ bà T 66.000.000 đồng, bà Y và bà T đã thanh toán với nhau nên chỉ còn nợ lại 37.600.000 đồng, được bà Y ghi xác nhận và kí tên (tại bút lục 64).

Tiếp đến năm 2017 thì bà Y tiếp tục mua phân bón của bà T (các lần mua bán và nhận phân bón có bảng kê và đã tường trình tại bản tự khai của bà T), tính đến cuối năm 2017 hai bên chốt nợ lại thì bà Y nợ bà T tổng cộng là 174.000.000 đồng. Đến ngày 10/01/2018 hai bên tính toán nợ với nhau thì bà Y đã xác nhận nợ cũ và nợ mới (bút lục 64) trên có ghi tiêu đề ngày 20/4/2017 do bà Y tự ghi tổng phân năm 2017 là 174.000.000 đồng cộng với nợ cũ năm 2016 là 37.600.000 đồng, tổng cộng là 211.600.000 đồng. Trong ngày 10/01/2018 bà Y trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng, khi trả bà Y cũng tự tay ghi và ký tên xác nhận cho bà T. Do bà Y không có tiền trả cho bà T nên bà Y cân cả phê cán trừ nợ cho bà T theo giá ngày 12/02/2018 cho đại lý Hạnh Chi tại thôn 5, LT, B, Lâm Đồng với số kí đại lý Hạnh Chi tính là 2.171,4 kg nhưng bà T đồng ý làm tròn cho bà Y là 2.200 kg

với giá cà phê là 36.700 đồng/ 1 kg thành tiền là 80.740.000 đồng, nên công nợ năm 2017 bà Y đã chốt công nợ với bà T là 80.860.000 đồng.

Tiếp đến năm 2018 bà Y tiếp tục mua phân bón của bà T, tổng nợ phân bón là 140.710.000 đồng. Trong đầu năm 2019 thì bà Y trả nợ phân năm 2018 là ngày 20/01/2019 trả 45.000.000 đồng, sau đó bà Y trả thêm cho bà T số tiền 50.000.000 đồng tại tiệm vàng Kim Huân ở thôn 6, xã LT, B, Lâm Đồng, việc trả nợ này không có ai chứng kiến nhưng được bà T thừa nhận và tự ghi vào sổ theo dõi công nợ. Nên công nợ năm 2018 còn lại 45.000.000 đồng. Tại trang vở số 16 (bút lục 59A) thì hai bên chốt lại nợ: nợ năm 2018 là 45.000.000 đồng, cộng nợ cũ năm 2017 là 80.860.000 đồng, tổng cộng là 125.860.000 đồng, hai bên tính lãi suất 02 năm là 29.100.00 đồng, tổng nợ chốt lại là 154.960.000 đồng, bà Y xác nhận bằng việc kí và ghi rõ họ tên.

Năm 2019 bà T chỉ bán cho bà Y 2 đợt với tổng số tiền là 29.600.000 đồng, bà Y ký tên xác nhận (tại bút lục số 59). Đối với việc mua bán phân bón năm 2019 thì bà Y xuất trình chứng cứ giấy ghi K' B phân 2019 với tổng số tiền 22.500.000 đồng, ở dưới cuối cùng có ghi chữ K' B trả rồi. Tuy nhiên đây là chứng cứ thể hiện bà Y bán lại phân bón cho anh K' B, và anh K' B đã trả toàn bộ số tiền 22.500.000 đồng cho bà Y. Còn chứng cứ do bà T xuất trình bà Y còn nợ bà T số tiền 29.600.000 đồng từ việc mua phân bón thì bà Y không có chứng cứ thể hiện đã trả tiền cho bà T.

Căn cứ lời trình bày và các chứng cứ do bị đơn bà Nguyễn Thị Y xuất trình thì bà Y không đồng ý trả số tiền nợ mua phân bón cho bà T, tuy nhiên việc mua bán phân bón có thật, bà Y không chứng minh được đã trả nợ cho bà T toàn bộ số tiền nợ các năm 2016, 2017, 2018, 2019. Việc bà Y trả nợ được bà T tự ghi lại và thừa nhận. Toàn bộ quá trình chốt nợ đều được bà Y tự ghi và kí tên.

Đối chiếu với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh K' B và người làm chứng là bà Ka H, bà Ka Mh, bà Phạm Kim C (chủ đại lý cà phê Hạnh Chi) thì các hộ dân chỉ mua phân bón từ bà Y, không biết đến bà T. Sau khi mua phân bón thì được nợ lại đến cuối năm, sau khi thu mùa cà phê sẽ trả cho bà Y. Còn việc mua bán giữa bà T với bà Y như thế nào thì họ không có liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Y đã được Tòa án thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Chứng tỏ, bà Y có nợ tiền mua bán phân bón của bà T qua từng năm như sau: năm 2017 bà Y còn nợ lại bà T số tiền 80.860.000 đồng, năm 2018 bà Y nợ bà T số tiền 45.000.000 đồng, năm 2019 bà Y nợ bà T số tiền 29.600.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ gốc là 155.460.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà Y trả số tiền nợ gốc là 155.460.000 đồng là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Y không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh, còn bà T khẳng định giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả, nay bà T chỉ yêu cầu bà Y trả lãi suất là 0.83 %/ tháng, kể từ thời điểm theo từng năm là (80.860.000 đồng x 0.83 %/ tháng x 41 tháng = 27.516.600 đồng) + (45.000.000 đồng x 0.83 %/ tháng x 29 tháng = 10.831.500 đồng) + (29.600.000 đồng x 0.83 %/ tháng x

17 tháng = 4.176.500 đồng) = 42.524.600 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi phải trả là 197.984.600 đồng là đúng pháp luật.

[4]. Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị T rút lại yêu cầu số tiền tính lãi là 29.100.000 đồng. Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 197.984.600 đồng * 5% = 9.899.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Y.

Buộc bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm trả cả gốc và lãi phát sinh cho bà Nguyễn Thị T với số tiền 197.984.600 (*Một trăm, chín mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03-6-2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với số tiền tính lãi là 29.100.000 (*Hai mươi chín triệu một trăm ngàn*) đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.899.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 5.052.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004617 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự H. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hồng Liên Phạm Đức Minh

Trần Thị Hà Vi

